

Ejercicio 6°
第六练习 阅读 HSK 1

- a) 前面 b) 上午 c) 苹果 d) 认识 e) 人
qiánmiàn shàngwǔ píngguǒ rènshi rén

1. 小孩子正在喝 _____ 汁。
Xiǎo háizi zhèngzài hē _____ zhī
2. 银行在超市的 _____。
Yínháng zài chāoshì de _____
3. 今天 _____ 你有空吗？
Jīntiān _____ nǐ yǒu kòng ma
4. 早上五点公园里没有多少 _____。
Zǎoshang wǔ diǎn gōngyuán lǐ méiyǒu duōshǎo _____
5. 你 _____ 那个跳舞的男孩子吗？
Nǐ _____ nà gè tiàowǔ de nán háizi ma